

**Phụ lục.**  
**PHẠM VI VÙNG BẢO HỘ VỆ SINH KHU VỰC LẤY NƯỚC SINH HOẠT CỦA CÔNG TRÌNH**  
**KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT THEO GIẤY PHÉP SỐ 92/GP-UBND NGÀY 15/11/2023 CỦA UBND TỈNH**  
*(kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày   /02/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

| Số hiệu | Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trực 108030', múi chiều 3 <sup>0</sup> ) |         | Lưu lượng khai thác (m <sup>3</sup> /ngày đêm) | Tên công trình tiếp giáp với giếng khai thác | Thông tin để xác định hướng đo và khoảng cách từ miệng giếng đến công trình tiếp giáp |           |                                       | Quy định tại Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT |
|---------|---------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------|-------------------------------------------|
|         | Y                                                                   | X       |                                                |                                              | Khoảng cách (m)                                                                       | Hướng đo  | Phạm vi vùng bảo hộ không nhỏ hơn (m) |                                           |
| GK1     | 465913                                                              | 1416069 | 119                                            | Khu vực kho lạnh                             | 2                                                                                     | Phía Đông | 2                                     | Điểm c Khoản 1 Điều 34                    |
|         |                                                                     |         |                                                | Đất nông nghiệp trồng cây                    | 5                                                                                     | Phía Bắc  | 5                                     |                                           |
|         |                                                                     |         |                                                | Kho xưởng                                    | 8                                                                                     | Phía Tây  | 8                                     |                                           |
|         |                                                                     |         |                                                | Nhà xưởng                                    | 10                                                                                    | Phía Nam  | 10                                    |                                           |
| GK2     | 465899                                                              | 1416147 | 106                                            | Khu vực sản xuất                             | 5                                                                                     | Phía Đông | 5                                     | Điểm c Khoản 1 Điều 34                    |
|         |                                                                     |         |                                                | Đất nông nghiệp trồng cỏ                     | 15                                                                                    | Phía Bắc  | 15                                    |                                           |
|         |                                                                     |         |                                                | Đất nông nghiệp trồng cây cao su             | 30                                                                                    | Phía Tây  | 20                                    | Khoản 2 Điều 11                           |
|         |                                                                     |         |                                                | Nhà xưởng                                    | 20                                                                                    | Phía Nam  | 20                                    |                                           |